

con, máy đánh ống) thuộc Nhà xưởng C – C;

- Nguồn số 13: Phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy móc, thiết bị tại khu vực sản xuất sợi (máy ghép, máy cuốn cúi, máy chải kỹ, máy sợi thô, máy sợi con, máy đánh ống) thuộc Nhà xưởng C – D;

- Nguồn số 14: phát sinh từ hoạt động của các máy phát điện dự phòng tại khu C.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí 01 (tương ứng nguồn số 01): $X = 591\ 520.52$, $Y = 1230\ 267.71$;

- Vị trí 02 (tương ứng nguồn số 02): $X = 592\ 414.86$, $Y = 1230\ 505.86$;

- Vị trí 03 (tương ứng nguồn số 03): $X = 592\ 260.17$, $Y = 1230\ 353.43$;

- Vị trí 04 (tương ứng nguồn số 04): $X = 592\ 059.87$; $Y = 1230\ 182.07$;

- Vị trí 05 (tương ứng nguồn số 05): $X = 591\ 923.49$; $Y = 1230\ 045.84$;

- Vị trí 06 (tương ứng nguồn số 06): $X = 591\ 756.66$; $Y = 1229\ 934.98$;

- Vị trí 07 (tương ứng nguồn số 07): $X = 592\ 546.72$, $Y = 1230\ 428.69$;

- Vị trí 08 (tương ứng nguồn số 08): $X = 592\ 282.30$, $Y = 1230\ 715.32$;

- Vị trí 09 (tương ứng nguồn số 09): $X = 592\ 313.27$, $Y = 1230\ 695.61$;

- Vị trí 10 (tương ứng nguồn số 10): $X = 592\ 640.40$, $Y = 1230\ 635.93$;

- Vị trí 11 (tương ứng nguồn số 11): $X = 592\ 776.07$, $Y = 1230\ 713.75$;

- Vị trí 12 (tương ứng nguồn số 12): $X = 592\ 879.94$; $Y = 1230\ 797.78$;

- Vị trí 13 (tương ứng nguồn số 13): $X = 593\ 038.95$; $Y = 1230\ 926.55$;

- Vị trí 14 (tương ứng nguồn số 14): $X = 592\ 600.56$, $Y = 1230\ 778.73$.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	1 năm/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	1 năm/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

lưu

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.

+ Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.

+ Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

+ Trang bị thiết bị giảm độ rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt,...

+ Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT – UBND
ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) ^(KS)	Rắn	08 02 04	75
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	980
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại ^(KS)	Rắn	18 02 01	4.305
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn	17 02 03	9.911
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải ^(KS)	Rắn	18 01 02	3.793
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải ^(KS)	Rắn	18 01 03	430
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải ^(KS)	Rắn	18 01 01	4.290
8	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/Lỏng	16 01 08	28.126
9	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	Rắn	16 01 13	47
10	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 01 01	20
Tổng khối lượng				51.977

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTRTT	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải từ sợi dệt chưa qua xử lý hoặc đã qua xử lý (phế liệu bông, sợi; tạp chất bông thải; bụi bông thu hồi từ các HTXL bụi)	Rắn	10 02 10	117.031
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	2.269
3	CTR từ phòng thí nghiệm: sợi, sợi của bông, sợi bán thành phẩm và sợi thành phẩm được lấy mẫu phân tích	Rắn	10 02 10	364
4	Bùn thải từ HTXL nước thải và nước cấp (lòng)	Bùn	12 06 12	780
5	Cặn bụi phát sinh từ hệ thống xử lý bụi màng nước	Rắn/bùn	-	19
Tổng khối lượng		-	-	120.463

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1.320
TỔNG CỘNG		1.320

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho:

+ Tại khu B (Lô 48, 49, 50): 01 kho diện tích 294 m².

+ Tại khu C (Lô 51, 52): 01 kho diện tích 168 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: kho được xây tường gạch, mái tôn; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt

Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bao bì, thùng chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho:

+ Tại khu B (Lô 48, 49, 50): 01 kho (chứa bụi bông, thùng giấy, phế liệu) diện tích 588 m²; 05 kho (chứa dây đai, bao bì nylon) diện tích 30 m²/kho.

+ Tại khu C (Lô 51, 52): 04 kho diện tích 32 m²/kho.

- Thiết kế, cấu tạo: kho chứa được xây dựng tường gạch, mái kho lợp tôn và nền kho chứa được gia cố bằng xi măng, bố trí gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.2.3. Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng nhựa có nắp đậy dung tích chứa từ 210-600 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

2.3.3. Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng. Lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

- Hóa chất được lưu trữ riêng biệt trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống thấm và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được

đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheet) của hóa chất và tuân thủ các quy định an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy theo quy định.

- Về kho chứa hóa chất: thiết kế kho chứa hóa chất đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa quy định tại mục 5 QCVN 05:2020/BCT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

4. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...1869...../GPMT – UBND
ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt được xử lý đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Phước Đông sau đó thu gom đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc và QCVN 02: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ -CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SAIGON VRG

HỢP ĐỒNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Công trình: Nhà máy sản xuất sợi Brotex (Việt Nam)

Số: 96 /2018/HĐ-SVI

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG –
CHI NHÁNH TÂY NINH

Và

CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Công trình: Nhà máy sản xuất sợi Brotex (Việt Nam)

Số 36 /2018/HĐ-SVI.

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015.

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014;

Căn cứ vào khả năng cung cấp và nhu cầu của hai Bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại Văn phòng Nhà điều hành Khu công nghiệp Phước Đông, chúng tôi gồm:

BÊN THUÊ XỬ LÝ (Bên A): CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô số 34-6, Đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại : 0276.3899.799 Fax:
- Mã số thuế : 3 9 0 1 1 5 7 6 3 6
- Người đại diện : Ông ZHANG KUI Chức vụ: Tổng Giám đốc.

BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG - CHI NHÁNH TÂY NINH

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 15 đường ĐT 782, ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại : 0276.3888 666 Fax: 0276.3888 997
- Mã số thuế : 0 3 0 5 2 6 8 8 1 2 - 0 0 1
- Người đại diện : Ông TRẦN MẠNH HÙNG Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng xử lý nước thải với những điều khoản cụ thể sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên B nhận xử lý nước thải sản xuất và sinh hoạt Công trình: Nhà máy sản xuất sợi Brotex (Việt Nam) của Bên A đã được xử lý phù hợp với tiêu chuẩn được Quy định điều kiện xả thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong Khu công nghiệp Phước Đông (viết tắt là KCN Phước Đông).

1.2 Bên B có trách nhiệm xử lý nước thải của Bên A đạt tiêu chuẩn cột A theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 2. PHÍ XỬ LÝ, KHỐI LƯỢNG TÍNH PHÍ, PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

2.1 Phí xử lý nước thải (chưa bao gồm VAT): 6.870 VNĐ/m³ (hoặc tương đương 0,3 USD/m³).

Phí xử lý nước thải được điều chỉnh mỗi 03 (ba) năm một lần theo chu kỳ của KCN Phước Đông, mỗi lần điều chỉnh không vượt quá mười lăm phần trăm (15%).

Tỷ giá tại ngày ký Hợp đồng này là: 22.900 VNĐ/USD.

2.2 Khối lượng tính phí: Lượng nước thải được tính toán bằng 80% tổng lượng nước sử dụng thực tế hàng tháng của Bên A.

Hàng tháng, căn cứ vào lượng nước sử dụng thực tế của Bên A, Bên B sẽ phát hành giấy báo thanh toán chi phí xử lý nước thải cho Bên A trước ngày 01 của tháng tiếp theo, phương thức thanh toán bằng tiền mặt hay chuyển khoản.

2.3 Thanh toán

a. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được giấy báo thanh toán, Bên A phải thanh toán cho Bên B chi phí xử lý nước thải. Đồng tiền thanh toán là tiền đồng Việt Nam.

b. Các khoản thanh toán sẽ được điều chỉnh tại mỗi đợt thanh toán nếu tỷ giá bán ra của VNĐ/USD của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hồ Chí Minh (VCB – HCM) công bố vào ngày thanh toán có chênh lệch tăng hoặc giảm so với tỷ giá tại ngày ký Hợp đồng này. Giá trị phải thanh toán được điều chỉnh vào ngày thanh toán được xác định cụ thể là bằng giá trị thanh toán của các khoản phải thanh toán chia cho Tỷ giá vào ngày ký Hợp đồng này và nhân với Tỷ giá bán ra của VNĐ/USD tại ngày thanh toán do VCB – HCM công bố.

c. Nếu Bên A chậm thanh toán thì Bên A phải trả tiền lãi của khoản tiền trả chậm cho Bên B. Lãi suất của khoản tiền trả chậm là lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM.

d. Nếu quá 30 ngày kể từ ngày Bên B phát hành giấy báo, mà Bên A chưa thanh toán thì Bên B sẽ ngừng tiếp nhận nước thải của Bên A, và sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của Bên A, đến khi Bên A trả hết khoản phí chưa thanh toán.

e. Bên A chuyển tiền thanh toán cho Bên B theo thông tin tài khoản sau đây:

Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG

Số tài khoản (VNĐ): 117000062814

Tại Ngân hàng: Vietinbank – Đông Sài Gòn, Tp.HCM.

ĐIỀU 3. ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI

3.1 Bên A cam kết đã hiểu rõ Quy định điều kiện xả thải của các cơ sở sản xuất kinh

0
Đ
C
P
H
S
Đ
N
H
Y
N
T

doanh trong Khu công nghiệp Phước Đông(gọi tắt là Quy định xả thải) và có biện pháp và chịu trách nhiệm về kiểm soát tính chất nước thải khi thải ra hệ thống Nhà máy xử lý nước thải của Khu công nghiệp Phước Đông cho phù hợp với Quy định xả thải.

3.2 Nếu chất lượng nước thải của Bên A xả vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp không đúng với Quy định xả thải thì Bên A phải ngừng xả thải đồng thời có biện pháp khắc phục ngay khi nhận được Thông báo của Bên B. Trong thời gian này Bên A phải tạm đóng van xả thải đầu nối vào hệ thống thu gom của khu công nghiệp để xử lý khắc phục.

3.3 Nếu Bên A không ngừng xả thải và không có biện pháp khắc phục như Điều 3.2 mà gây thiệt hại cho Bên B thì Bên B có quyền ngừng tiếp nhận nước thải, ngừng cung cấp nước sạch, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật. Đồng thời Bên A có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho Bên B.

3.4 Khi vi phạm các quy định tại khoản 3.1, 3.2, 3.3 Điều này, Bên A phải trả cho Bên B chi phí xử lý nước thải vượt chuẩn và bồi thường thiệt hại mà Bên A gây ra (nếu có). Mức bồi thường căn cứ vào kết quả xác định thiệt hại thực tế tại thời điểm xảy ra có sự xác nhận của hai Bên.

3.5 Bên B chỉ tiếp nhận nước thải của Bên A khi hệ thống thoát nước thải từ Nhà máy Bên A được đầu nối đúng vị trí vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phước Đông và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật đã được xác định trong Biên bản thỏa thuận vị trí đầu nối thoát nước thải.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

4.1 Bên A có nghĩa vụ

- a. Thực hiện các cam kết ghi trong Hợp đồng thuê đất và Hợp đồng này;
- b. Thanh toán đủ phí xử lý nước thải theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này;
- c. Tách riêng hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa. Đảm bảo hệ thống thu gom nước thải phải kín, không để nước mưa chảy tràn hoặc lẫn vào trong hệ thống thu gom nước thải và ngược lại;
- d. Trong trường hợp các thông số nước thải tại hố ga đầu nối của KCN không phù hợp các Quy định điều kiện thoát nước thải các doanh nghiệp trong KCN Phước Đông, Bên A có trách nhiệm xử lý kịp thời để không gây ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

4.2 Bên A có quyền

- a. Yêu cầu Bên B đảm bảo hệ thống đầu nối, hệ thống xử lý nước thải, hồ sinh thái trong khu và hệ thống đường ống, kênh liên quan thuộc cơ sở hạ tầng thiết bị xử lý, thoát nước hoạt động liên tục;
- b. Yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ thanh toán chi phí xử lý nước thải.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

5.1 Bên B có quyền

- a. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các chỉ tiêu nước thải trước khi đầu nối vào hệ

thống thoát nước thải của KCN Phước Đông. Nếu qua kiểm tra phát hiện nước thải không đạt tiêu chuẩn, Bên A phải trả chi phí kiểm tra xét nghiệm và bồi thường các thiệt hại gây ra, mức bồi thường được xác định căn cứ vào kết quả xác định thiệt hại thực tế tại thời điểm xảy ra có xác nhận của hai Bên;

b. Vào khu vực quản lý của Bên A để kiểm tra đường ống đầu nối nước thải mà không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, ngoại trừ các trường hợp khẩn cấp;

c. Nhắc nhở Bên A khắc phục trong thời gian theo thông báo của Bên B khi nước thải của Bên A có nồng độ vượt quá Quy định, gây ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý của Nhà máy xử lý nước thải KCN Phước Đông. Nếu Bên A từ chối hoặc không kịp thời khắc phục, Bên B có quyền tạm thời đóng van đầu nối nước thải, đến khi Bên A khắc phục xong. Trong trường hợp Bên A gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cho Khu công nghiệp, Bên B sẽ tiến hành cắt điện, nước cho đến khi Bên A khắc phục và bồi thường thiệt hại gây ra, mức bồi thường được xác định căn cứ vào kết quả xác định thiệt hại thực tế tại thời điểm xảy ra có xác nhận của hai Bên.

5.2 Bên B có nghĩa vụ.

a. Chịu trách nhiệm thu gom và xử lý toàn bộ nước thải của Bên A đạt mức chuẩn A theo quy định của pháp luật Việt Nam trước khi thải ra môi trường;

b. Cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ thanh toán phí xử lý nước thải cho Bên A;

c. Đảm bảo cơ sở hạ tầng, thiết bị xử lý, thoát nước của hệ thống đầu nối, hệ thống xử lý và thoát nước thải hoạt động liên tục, đáp ứng yêu cầu xử lý nước thải thực tế của Bên A;

d. Phát hành Giấy báo thanh toán cho Bên A và đảm bảo tính đủ lượng nước phải xử lý của Bên A.

ĐIỀU 6. THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

Thời hạn của Hợp đồng này tính từ ngày Bên B tiếp nhận nước thải từ Nhà máy Bên A đến hết thời hạn của Hợp đồng thuê đất.

ĐIỀU 7. ĐIỀU KIỆN SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG

7.1 Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai Bên yêu cầu sửa đổi hay bổ sung nội dung đã ký thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia, hai Bên thương lượng quyết định.

7.2 Bên thuê xử lý của Hợp đồng này và Bên thuê đất trong Hợp đồng thuê đất là một, nếu Bên thuê đất trong Hợp đồng thuê đất có thay đổi chủ thể, thì Bên thuê xử lý của Hợp đồng này sẽ tự động thay đổi tương ứng, quyền lợi và nghĩa vụ của Hợp đồng được chuyển nhượng; nếu cần thiết, Bên B đồng ý ký lại hợp đồng mới với chủ thể pháp nhân mới.

ĐIỀU 8. ĐIỀU KIỆN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

8.1 Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

a. Khi hết thời hạn như quy định tại Điều 6.

b. Hai Bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

8.2 Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Bên B các khoản chi phí xử lý chưa thanh toán, và Bên A tự chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động lắp xuất kinh doanh của mình.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

9.1 Hợp đồng này được điều chỉnh và hiểu theo Luật pháp Việt Nam. Hai Bên đảm bảo thực hiện nghiêm túc các điều khoản trong Hợp đồng. Trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, bất kỳ bên nào vi phạm Hợp đồng hoặc gặp khó khăn, hai Bên thương lượng giải quyết trên nguyên tắc bình đẳng, hai Bên cùng có lợi. Nếu hai Bên không thể tự giải quyết, hai Bên đều có quyền đưa sự việc lên Tòa án kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh để xem xét giải quyết, quyết định của toà án này là quyết định cuối cùng.

9.2 Trong thời gian tranh chấp, Bên B vẫn tiếp tục cung cấp dịch vụ xử lý nước thải Bên A vẫn phải thanh toán hóa đơn xử lý nước thải cho Bên B.

ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

10.1 Hai Bên cam kết thực hiện đúng các khoản thỏa thuận ghi trong Hợp đồng trên tinh thần hiểu biết và hợp tác.

10.2 Những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà không quy định cụ thể trong Hợp đồng, do hai Bên thương lượng giải quyết, thương lượng không thành sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

10.3 Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

10.4 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN A
CÔNG TY TNHH BROTEX
(VIỆT NAM)



ZHANG KUI
Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
SÀI GÒN VRG - CN TÂY NINH



TRẦN MẠNH HÙNG
Chức vụ: Tổng Giám đốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SAIGON VRG

HỢP ĐỒNG

THU GOM RÁC THẢI SINH HOẠT

Số: 130../2022/HĐ-SVI

Giữa

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG -
CHI NHÁNH TÂY NINH**

Và

CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)

(Nhà xưởng Brotex- khu A,B)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM RÁC THẢI SINH HOẠT
SỐ: 130../2022/HĐ-SVI

Căn cứ **Bộ luật Dân sự** số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ **Luật Bảo vệ Môi trường** số 55/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014;

Căn cứ vào khả năng cung cấp và nhu cầu của hai Bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2022, tại Văn phòng Khu Công nghiệp Phước Đông, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG – CN TÂY NINH

- Địa chỉ : Tổ 15, đường ĐT782, ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại : 0276.3888 666 Fax: 0276.3888 997
- Mã số thuế : 0305268812-001
- Người đại diện pháp luật: **Ông TRẦN MẠNH HÙNG**

BÊN B: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM)

- Địa chỉ: Lô 34-6, đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại: 0276.3899.799 Fax:
- Mã số thuế: 3901157636
- Người đại diện: **Ông ZHANG KUI** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết **Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt** (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với những điều khoản cụ thể sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên B giao cho Bên A thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy (tại Khu A và Khu B) và Khu ký túc xá công nhân của Bên B. Bên A có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý rác thải sinh hoạt và chuyển giao rác thải sinh hoạt của Bên B cho đơn vị có chức năng xử lý.

1.2 Bên B chịu trách nhiệm tập kết rác thải sinh hoạt vào thùng chứa 240 lít đặt tại điểm nhất định theo thoả thuận giữa hai Bên để Bên A thuận tiện lấy và vận chuyển rác.

1.3 Thời gian thu gom: rác được thu gom hai (02) ngày một lần trừ ngày lễ và Chủ Nhật.

1.4 Phương tiện vận chuyển: xe chuyên dụng vận chuyển rác thải sinh hoạt.

ĐIỀU 2. ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Đơn giá:

- Chi phí cho việc thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt là: **276.000 VNĐ/m³** (1 m³ rác tương đương 4 thùng 240 lít).

- Khi có sự thay đổi về đơn giá, Bên A sẽ thông báo trực tiếp đến Bên B biểu giá mới và thời điểm bắt đầu áp dụng biểu giá mới.

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

2.2 Hình thức thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Bên A sẽ tiến hành chốt khối lượng rác vào ngày 25 hàng tháng. Và chậm nhất vào đầu tháng sau, Bên A sẽ phát hành Giấy báo thanh toán cho Bên B. Bên B sẽ phải thanh toán một lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, theo thông tin sau:

+ Tên thụ hưởng: Công ty Cổ Phần Đầu tư Sài Gòn VRG

+ Tài khoản số: 117000062814

+ Tên Ngân hàng: Vietinbank –Đông Sài Gòn, Tp.HCM.

+ Đồng tiền thanh toán: đồng tiền thanh toán là tiền đồng Việt Nam.

- Thời hạn thanh toán: Trong thời gian năm (05) ngày kể từ ngày Bên A phát hành giấy báo thanh toán cho Bên B, Bên B có trách nhiệm thanh toán một lần cho Bên A. Trường hợp chậm từ sáu (06) ngày đến mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra thông báo, thì Bên B sẽ phải trả tiền lãi trên khoản tiền trả chậm cho bên A. Lãi suất của khoản tiền trả chậm là lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh TP Hồ Chí Minh tại thời điểm thanh toán.

Nếu chậm quá 15 ngày, Bên A sẽ ngưng cung cấp dịch vụ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt cho đến khi việc thanh toán được giải quyết xong, đồng thời Bên A tính thêm tiền lãi phạt theo lãi suất bằng 150% của lãi suất tiền cho vay ngắn hạn của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh TP.HCM tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

3.1 Trách nhiệm của Bên A

- Chịu trách nhiệm thu gom và vận chuyển chất thải rắn theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam;
- Đảm bảo an toàn vệ sinh khi vận chuyển rác, không để rơi vãi và không gây ảnh hưởng đến mỹ quan chung;
- Tuân thủ các quy định của nhà nước Việt Nam, chính quyền địa phương về quản lý chất thải rắn và bảo vệ môi trường;
- Xuất hóa đơn tài chính cho Bên B.

3.2 Trách nhiệm của Bên B

33526
CỘNG
HÒA
ĐÀ
NG
CH
TÂY
240

- Thu gom rác thải sinh hoạt tại các vị trí khác nhau về thùng chứa;
- Lưu trữ đúng quy định và tránh nước mưa chảy tràn vào, gây ô nhiễm đến môi trường đất, nước và không khí;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A trong việc thu gom rác;
- Thanh toán đúng thời hạn cho Bên A.

ĐIỀU 4. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Thời hạn của Hợp đồng này bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2027.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KIỆN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

- a. Khi hết thời hạn như quy định tại Điều 4.
- b. Bên B không thực hiện đầy đủ trách nhiệm ghi trong Hợp đồng.
- c. Hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

5.2 Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Bên A các khoản chi phí chưa thanh toán.

5.3 Hợp đồng được khôi phục hoặc ký lại sau khi hai Bên giải quyết xong các vướng mắc và thỏa thuận đồng ý khôi phục và ký lại Hợp đồng.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

6.1 Hai Bên cam kết thực hiện đúng các khoản thỏa thuận ghi trong Hợp đồng trên tinh thần hiểu biết và hợp tác.

6.2 Những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà không quy định cụ thể trong Hợp đồng sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.3 Hợp đồng được lập thành 04 (Bốn) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

6.4 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
SÀI GÒN VRG – CN TÂY NINH

[illegible]

TRẦN MẠNH HÙNG

BÊN B

CÔNG TY TNHH BROTEX
(VIỆT NAM)

ZHANG KUI

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
XANH HUÊ PHƯƠNG VN**

越南惠芳绿色环境一成员有限责任公司

**Ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, Tỉnh
Tây Ninh**

西宁市鹅油县盛德乡宽边区

Số (编号): HP126/24/HĐXL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**越南社会主义共和国
独立-自由-幸福**

Tây Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

西宁市 2024 年 08 月 10 日

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

废弃物处理和收集运输合同

**- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước
CHXHCN Việt Nam;**

根据越南社会主义共和国国会 2015 年 11 月 24 日通过的 91/2015/QH13 号《民事法》。

**- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước
CHXHCN Việt Nam;**

根据越南社会主义共和国政府 2020 年 11 月 17 日颁发的第 72/2020/QH14 号环保法；

**- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường ;**

**根据自然资源与环境部 2022 年 01 月 10 日颁发的第 02/2022/TT-BTNMT 号关于环境保护法
条若干条款实施细则的通知；**

**- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ
Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022;**

根据越南政府 2022 年 01 月 10 日环境保护法若干条款实施细则的第 08/2022/NĐ-CP 号议；

- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH BROTEX (Việt Nam),

据百隆（越南）有限公司的需求。，

- Tại địa điểm: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG XANH HUÊ PHƯƠNG VN

地點：越南華方綠環境一成員 責任有限公司

Chúng tôi gồm:

双方有:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG XANH HUÊ PHƯƠNG VN

甲方 : 越南惠芳律環境責任有限公司

Địa chỉ : Tổ 5, ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu Tây Ninh

地址 : 西寧省鵝油縣盛德社寬邊區第 5 組

Điện thoại /電話 : 0276-3855345

Fax/傳真: 0276-3855234

Mã số thuế /稅號: 3900995360

Tên tài khoản : Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huê Phương VN

帳戶 : 越南惠芳律環境責任有限公司

Số tài khoản/帳號 : 050023401158

Tên ngân hàng : tại ngân hàng Sacombank Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

銀行姓名：西寧省莊慶縣 Sacombank 銀行

Địa chỉ ngân hàng: Quốc lộ 22 Khu phố Lộc Thành, Thị Trấn Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh

銀行地址：西寧省莊慶縣莊慶社祿成區第 22 公路

Đại diện : Ông LÊ THIÊN TÚ

- Chức vụ: Phó Giám đốc

代表者：黎善秀先生

職務：副經理

BÊN B: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) – MÃ SỐ DỰ ÁN: 4358612716

乙方：百隆（越南）有限公司

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô số 34 – 6, đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

地址：西寧省鵝油縣福東社福東工業區 D11 路，34 - 6 号

- Địa chỉ thu gom: Lô số 48, 49, 50 đường N14, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu và xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

收集地址：西寧省鵝油縣福東社福東工業區 N14 路，50,49,48 号

- Mã số thuế/税号: 3901157636

- Đại diện là: Ông TRƯƠNG KHUÊ

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

代表人：张奎

职位：总经理

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

甲乙双方经协商达成以下协议:

Điều 1. Nội dung công việc.

第一条: 工作内容:

- Bên B đồng ý giao cho Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải trong quá trình sản xuất của Bên B với chủng loại theo danh mục sau:

乙方同意在乙方生产过程中的废料给予甲方收购，运输与处理全部危险废料种类如下:

Stt 序號	Tên chất thải 廢棄物種類	Trạng thái 狀態	Đơn giá xử lý (VNĐ/Kg) 單價 (越盾/公斤)	Phương pháp xử lý 處理方案
01	Rác thải Công nghiệp, Rác sinh hoạt 工業廢棄物	Rắn 固體	0	Thiêu đốt 燒傷
02	Bùn không nguy hại từ hệ thống xử lý nước cấp và bể xử lý nước thải sinh hoạt 生活污泥，水处理厂沉淀泥	Bùn 污泥	1.270	Chôn lấp 埋葬
03	Tơ dính đất cát 棉粘丝沙	Rắn 固體	50	Thiêu đốt 燒傷

- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom và vận chuyển chất thải.

以上的单价已包括收购与输运废料费用

-VAT =0%

Điều 2. Phương thức giao nhận – Địa điểm giao nhận.

第二条：交收方式-交收地点

2.1 Phương thức giao nhận

2.1 交收方式

- Bên B giao chất thải cho Bên A tại kho của Bên B. Hai bên phải đối chiếu từng loại số lượng chất thải giao nhận, ký xác nhận số lượng vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho).

乙方交废料给甲方在乙方仓库。双方需要对好每种废料交收数量，签收确认在交收单据（出货单）与据资源和环境部处理废料的单据。

- Hàng tháng Bên A sẽ thu gom và xử lý cho Bên B 01(một) lần hoặc khi Bên B có yêu cầu. Bên B báo trước cho Bên A 02 ngày bằng fax hoặc điện thoại để Bên A sắp xếp.

每月一次甲方会收购与处理给乙方或乙方需要时。乙方要提前两天传真通知乙方或打电话通知让甲方安排工作

- Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải, Bên A chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại điều 1.

甲方和乙方交收废料时，甲方只收在以上第一条名单所提出的废料。

- Khi giao nhận hai bên phải ký xác nhận số lượng theo mẫu của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ban hành.

交收时双方需要签收数量与资源和环境发布单据的格式

2.2 Địa điểm giao nhận Tại nhà máy Công ty TNHH (Brotex Việt Nam) theo địa chỉ trên.

2.2: 交收地址：在百隆（越南）有限公司以上地址

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng.

第三条：履行合同时间

- Từ ngày 10/08/2024 đến 10/08/2025.

- 2024年08月10日至2025年08月10日

Điều 4. Phương thức thanh toán

第四条：付款方式

- Bên B thanh toán cho Bên A chi phí xử lý chất thải trong vòng 07 ngày sau khi Bên A cung cấp chứng từ CTNH và hoá đơn tài chính cho Bên B.

乙方在甲方7天内提供危险废料单据与财务发票支付给甲方处理危险废物费用

- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản

付款方式为转款

Điều 5. Trách nhiệm của hai bên.

第五条：双方责任

5.1 Trách nhiệm Bên A

5.1 甲方的责任

- Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của Bên B theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên A vận chuyển chất thải ra khỏi kho của Bên B thì mọi vấn đề về môi trường sẽ thuộc trách nhiệm của bên A.

甲方按照法律执行会给乙方收购、运输、处理危险废料。甲方运输危险废料离开乙方仓库后，关于环境的问题就归甲方责任。

- Khi thu gom vận chuyển chất thải Bên A chỉ sử dụng các xe vận chuyển nằm trong danh mục giấy phép hành nghề quản lý CTNH của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp (Mã QLCTNH: 3-4-5-6.050.VX).

在运输收购危险废料时甲方只能使用由环保环境总局发布经营危险废料业务专用运输的车。编号 (QLCTNH: 3-4-5-6.050.VX)。

- Trong quá trình thu gom tại công ty Brotex nếu công nhân lao động gặp tai nạn thì Bên A tự chịu trách nhiệm.

在 Brotex 公司收集过程中如果工人事故甲方应负责。

5.2 Trách nhiệm Bên B

5.2 乙方的责任

- Bên B chịu trách nhiệm quản lý chất thải tại kho của Bên B theo đúng quy định pháp luật.

乙方负责管理废料在乙方的仓库，符合法律规定

- Bên B có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình giao nhận chất thải tại kho Bên B.

乙方有责任给予顺利条件给甲方在乙方仓库收购危险废料

- Bên B có trách nhiệm giao chất thải cho phương tiện vận chuyển chuyên nằm trong danh mục giấy phép hành nghề quản lý CTNH (Mã QLCTNH: 3-4-5-6.050.VX) của Bên A do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp. Nếu Bên B tự ý giao CTNH cho xe vận chuyển khác không nằm trong danh mục đăng ký trong giấy phép của Bên A thì khi có sự cố xảy ra Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

乙方有责任交废料给甲方由环保环境总局发经营危险废料业务的专用运输的车。如甲方随意交危险废料给不在甲方申请经营危险废料业务的专用车，方式问题由乙方承担所有法律责任。

Điều 6. Điều khoản chung.

第六条：共同条款

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu Bên B có phát sinh các loại chất thải khác ngoài danh mục trên thì hai bên sẽ thương lượng và ký các phụ lục Hợp bổ sung.

在执行合同过程当中，如乙方从产生废物未含在以上所提的名单，双方就商量与签署补充附录合同。

- Các bản phụ lục hợp đồng (nếu có) ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

各份附录合同（如有）会签，后续是合同中不能分开的部分。

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng, nếu có vấn đề gì thay đổi hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai bên

双方承诺严肃执行合同所商量的条款，如有问题需要更改双方需要有合作精神共同商量解决。任何条款更改都需要成立为文件有双方的会签

4/28/23

- Trường hợp hai bên không thống nhất được với nhau sau khi đã có thảo luận thì mọi khiếu nại sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

在双方商量未达到统一意见的情况就投诉给法庭解决。法庭的决定就是最后的决定。所有费用在纠纷解决过程中就由哪方有错误承担支付。

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

本合同一式 04 份, 各方 02 份, 具有相同的法律价值。

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký./.

合同有效期从当日会签

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表人



LÊ THIÊN TỰ

ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表人



TRƯƠNG KHUÊ



CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
XANH HUÊ PHƯƠNG VN

越南惠芳律環境責任有限公司

Tổ 5, ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu
Tây Ninh

西寧省鵝油縣盛德社寬邊區第 5 組

Số (编号):HP127/24/HĐPL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

独立-自由-幸福

Tây Ninh, ngày 03 tháng 09 năm 2024

西寧省 2024 年 09 月 03 日

HỢP ĐỒNG THU MUA PHÉ LIỆU

废料收购合同

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự, Luật bảo vệ môi trường và pháp luật hiện hành;

根据民法通则, 环境保护法律及现行法律

-Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022;

根据越南政府 2022 年 01 月 10 日环境保护法若干条款实施细则的第 08/2022/NĐ-CP 号议;

- Căn cứ nhu cầu của Công ty TNHH Brotex (Việt Nam) và chức năng của Công ty CP Môi Trường Xanh VN,

根据百隆(越南)有限公司及越南绿色环保股份公司的职能

-Tại địa điểm: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG XANH HUÊ PHƯƠNG VN

地點:越南華方綠環境一成員責任有限公司

Chúng tôi gồm/双方有:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG XANH HUÊ PHƯƠNG VN

甲方 : 越南惠芳律環境責任有限公司

Địa chỉ : Tổ 5, ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu Tây Ninh

地址 : 西寧省鵝油縣盛德社寬邊區第 5 組

Điện thoại/電話 : 02763 855345

Fax/傳真: 02763 855234

Mã số thuế /稅號 : 3900995360

Tên tài khoản : Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huê Phương VN

帳戶 : 越南惠芳律環境責任有限公司

Số tài khoản/帳號 : 050023401158

Tên ngân hàng : tại ngân hàng Sacombank Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

銀行姓名 : 西寧省莊龐縣 Sacombank 銀行

Địa chỉ ngân hàng: Quốc lộ 22 Khu phố Lộc Thành, Thị Trấn Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh

Đại diện : Ông LÊ THIÊN TÚ

代表者 : 黎善秀先生

- Chức vụ: Phó Giám Đốc

职位: 副经理

BÊN B: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) – MÃ SỐ DỰ ÁN: 4358612716

乙方: 百隆(越南)有限公司

- Địa chỉ: Lô số 48 đường N11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

地址: 西宁市鹅油县福东社福东工业区 N11 路, 48 号

- Mã số thuế/税号: 3901157636

- Đại diện là: Ông TRƯƠNG KHUÊ

代表人: 张奎

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

职位: 总经理

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

甲乙双方经协商达成以下协议:

Điều 1: Nội dung công việc giao dịch

第一条: 交易内容

1. Bên A thu mua các loại phế liệu vẫn còn giá trị thương mại phát sinh sau quá trình sản xuất của bên B, bao gồm các loại như sau:

甲方购买乙方的生产过程中产生的废料具有贸易价值, 包含以下废料:

STT 序号	Tên phế liệu 废料名称	ĐVT 单位	Đơn giá (đồng/đvt) 单价 (越南盾/单位)
01	Giấy carton 纸箱	Kg	3.100
02	Nhựa PP, PE/ PP, PE 塑料	Kg	5.500
03	Nhựa dây đai 打包带塑料	Kg	5.500
04	Sắt đặc 废铁	Kg	7.200
05	Tơ dính đất cát/ 棉粘丝沙	Kg	0

2. VAT = 0%.

3. Đơn giá thu mua phế liệu trên là giá tại thời điểm ký hợp đồng.

以上收购报价单是 签收合同效期内的单价。

4. Đơn giá trên là đơn giá tại thời điểm ký hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà đơn giá phế liệu trên thị trường thay đổi, thì hai bên bàn bạc và điều chỉnh đơn giá thể hiện bằng Phụ lục hợp đồng.

以上收购报价单是 签收合同效期内的单价。在执行合同过程当中如处理废料市场单价有变动, 双方就商量与在附录合同调整单价以保障符合市场单价。

5. Đối với các loại phế liệu phát sinh ngoài danh mục trên hai bên sẽ thương lượng đơn giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

Điều 2: Phương thức giao nhận

第二条: 交货方式

1. Bên B giao phế liệu cho Bên A tại kho của Bên B.
乙方交货给甲方在乙方的仓库。
2. Bên A thu mua phế liệu của Bên B khi Bên B có yêu cầu. Bên B thông báo trước cho Bên A 02 ngày để Bên A sắp xếp công việc.
当乙方有需求出销废料, 甲方会收购乙方的废料。乙方通知给甲方 02 天让甲方安排工作。
3. Phương tiện vận chuyển, chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp do Bên A chịu.
运货方式, 运货费用及搬货费用由甲方承担。
4. Khi giao nhận hai bên phải ký xác nhận số lượng và kèm theo phiếu xuất kho của Bên B.
交货时双方要签名确认数量及要有乙方的出货单。

Điều 3: Phương thức thanh toán

第三条: 付款方式

1. Hai bên đối chiếu số lượng phế liệu trong từng chuyến hàng.
双方确认每次出售废料数量
2. Bên A thanh toán tiền thu mua phế liệu cho Bên B sau khi Bên A hoàn tất việc thu gom. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
收购完毕甲方要付款给乙方。付款方式为现金或转款。

Điều 4: Trách nhiệm của hai bên trong việc thực hiện hợp đồng

第四条: 执行合同中双方的责任

1. Bên A thu gom vận chuyển phế liệu của công ty theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên A vận chuyển phế liệu ra khỏi kho của Bên B mọi vấn đề về Bên A sẽ chịu trách nhiệm.
甲方按法律规定符合运货方式。当甲方运货出乙方的仓库时, 当甲方将危害废料运出乙方的仓库时因此所有相关的问题将为甲方所属。
2. Bên A phải đảm bảo đúng các thủ tục khai báo hải quan và nộp thuế đầy đủ.
甲方会确保海关手续及交税规定。
3. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trong bản hợp đồng này, không được đơn phương thay đổi hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bồi phải thường thiệt hại cho bên kia theo qui định của pháp luật.
双方承诺严肃执行合同所商量的条款。不准单方更改合同, 哪方不安规定执行或单方停止合同并没有正确的理由就要按法律规定赔偿。

2/2/2025

第五条：纠纷调解协议

Hai bên chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết. Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa tranh chấp ra toà án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

双方主动通知执行合同进度。若有不利问题发生各方要及时通知及尽量商量解决。若双方商量未达到结果就投诉给法庭解决。法庭的决定就是最后的决定。所有费用在纠纷解决过程中就由哪方有错误承担支付。

Điều 6: Điều khoản chung

第六条：共同条款

- Các bản phụ lục hợp đồng ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này.

各份附录合同（如有）会签，后续是合同中不能分开的部分。

- Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này chỉ có giá trị pháp lý khi thể hiện văn bản có chữ ký đại diện có thẩm quyền của hai bên.

有关更改、补充合同要由双方代表人在文件签署才有效。

Điều 7: Hiệu lực của hợp đồng

第七条 合同有效期

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 03/09/2024 đến ngày 03/09/2025.

本合同有效期为 2024 年 09 月 03 日至 2025 年 09 月 03 日

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

本合同一式 04 份，各方 02 份，具有相同的法律价值。

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表人



LÊ THIÊN TỬ

ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表人



TRƯƠNG KHUÊ

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
XANH HUÊ PHƯƠNG VN

越南惠芳绿色环境一成员有限责任公司
Ấp Bến Rộng, xã Thanh Đức, huyện Gò Dầu,
Tỉnh Tây Ninh

西宁市鹅油县盛德乡宽槟邑

Số (编号): HP128/24/HĐXL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

越南社会主义共和国
独立-自由-幸福

Tây Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2024

西宁市 2024 年 08 月 10 日

HỢP ĐỒNG THU GOM VẠN CHUYÊN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI 废弃物处理和收集运输合同

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

根据越南社会主义共和国国会 2015 年 11 月 24 日通过的 91/2015/QH13 号《民事法》。

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam;

根据越南社会主义共和国政府 2020 年 11 月 17 日颁发的第 72/2020/QH14 号环保法；

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường ;

根据自然资源与环境部 2022 年 01 月 10 日颁发的第 02/2022/TT-BTNMT 号关于环境保护法
条若干条款实施细节的通知；

- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ
Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022;

根据越南政府 2022 年 01 月 10 日环境保护法若干条款实施细节的第 08/2022/NĐ-CP 号议
定；

- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH BROTEX (Việt Nam),

据百隆（越南）有限公司的需求。,

- Tại địa điểm: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG XANH HUÊ PHƯƠNG VN

地點: 越南華方綠環境一成員 責任有限公司

Chúng tôi gồm/双方有:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG XANH HUÊ PHƯƠNG VN

甲方 : 越南惠芳律環境責任有限公司

Địa chỉ : Tổ 5, ấp Bến Rộng, xã Thanh Đức, huyện Gò Dầu Tây Ninh

地址 : 西寧省鵝油縣盛德社寬邊區第 5 組

Điện thoại/電話: 0276 3 855345

-Fax/傳真: 0276 3 855234

Mã số thuế/稅號: 3900995360

Tên tài khoản : Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huê Phương VN

帳戶 : 越南惠芳律環境責任有限公司

Số tài khoản/帳號 : 050023401158

Tên ngân hàng : tại ngân hàng Sacombank Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

銀行姓名 : 西寧省莊龐縣 Sacombank 銀行

Địa chỉ ngân hàng: Quốc lộ 22 Khu phố Lộc Thành, phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh

銀行地址 : 西寧省莊龐縣莊龐社祿成區第 22 公路

Đại diện : Ông LÊ THIÊN TỬ

Chức vụ: Giám Đốc

代表者 : 黎善秀先生

職務 : 副理

BÊN B: CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) – MÃ SỐ DỰ ÁN: 4358612716

乙方: 百隆 (越南) 有限公司

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô số 34-6, đường D11, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

地址: 西寧省鵝油縣福東社福東工業區 N11 路, 34-6 号

- Địa chỉ thu gom: Lô số 48, 49, 50 đường N14, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu và xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

收集地址: 西寧省鵝油縣福東社福東工業區 N14 路, 50, 49, 48 号

- Mã số thuế/税号: 3901157636

- Đại diện là: Ông TRƯƠNG KHUÊ

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

代表人: 张奎

职位: 总经理

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

甲乙双方经协商达成以下协议:

Điều 1. Nội dung công việc.

第一条: 工作内容:

- Bên B đồng ý giao cho Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là CTNH) trong quá trình sản xuất của Bên B với chủng loại theo danh mục sau:

乙方同意在乙方生产过程中的废料给予甲方收购, 运输与处理全部危险废料 (简称: CTNH) 种类如下:

Stt 序号	Tên chất thải 废料名称	Mã CTNH 编码	Đơn giá xử lý 处理单价 (Vnd/kg)	Đơn giá thu mua sau khi xử lý 购买单价 (Vnd/kg)	Phương pháp xử lý 處理方案
01	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại 危險成分感染的抹布	18 02 01	2.000	-	Thiêu đốt 燒傷
02	Bao bì nhiễm thành phần nguy hại	18 01 01	3.500	-	Thiêu đốt 燒傷

	危險成分感染包装				
3	Dầu máy tổng hợp thải không dính nước 废料综合 机油感染沒水	17 02 03	180.000	-	Thiêu đốt 烧伤
4	Pin, ắc quy chì thải 电磁废料, 铅电池废料	19 06 01	0	-	Tháo dỡ 拆卸
5	Bóng đèn huỳnh quang thải 日关灯の废料	16 01 06	7.000	-	Nghiền – Hóa rắn 破碎 - 冷冻
6	Linh kiện, thiết bị điện, điện tử thải 零件、电器设备、电子的 废料	19 02 06	3.000	-	Tháo dỡ 拆卸
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại (Thùng, phuy sắt) 废弃物包装硬件在金属	18 01 02	1.000	5.000	Súc rửa – tái chế 冲洗 - 回收
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa (Thùng, phuy nhựa) 废弃物包装硬件在塑胶	18 01 03	1.000	5.000	Súc rửa – tái chế 冲洗 - 回收
9	Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn) 感染性废物(包括废锐)	13 01 01	5.000	-	Thiêu đốt 烧伤
10	Bông cách nhiệt 保温材料	11 06 01	6.000	-	Thiêu đốt 烧伤
11	Các loại chất thải nguy hại khác 而其他類型的危害廢棄物	-	Giá thỏa thuận 妥協價格	-	

- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom và vận chuyển chất thải.

以上的单价已包括收购与运输废料费用

-VAT =0%

Điều 2. Phương thức giao nhận – Địa điểm giao nhận.

第二条：交收方式-交收地点

2.1 Phương thức giao nhận

2.1 交收方式

- Bên B giao chất thải cho Bên A tại kho của Bên B. Hai bên phải đối chiếu từng loại số lượng chất thải giao nhận, ký xác nhận số lượng vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho) và xuất chứng từ CTNH theo mẫu của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường.

乙方交废料给甲方在乙方仓库。双方需要对好每种废料交收数量，签收确认在交收单据（出货单）与据资源和环境部处理废料的单据。

- Hàng tháng Bên A sẽ thu gom và xử lý cho Bên B 01(một) lần hoặc khi Bên B có yêu cầu. Bên B báo trước cho Bên A 02 ngày bằng fax hoặc điện thoại để Bên A sắp xếp.

每月一次甲方会收购与处理给乙方或乙方需要时。乙方要提前两天传真通知乙方或打电话通知让甲方安排工作

- Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải, Bên A chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại điều 1.

甲方和乙方交收废料时，甲方只收在以上第一条名单所提出的废料。

- Khi giao nhận hai bên phải ký xác nhận số lượng và xuất chứng từ CTNH theo mẫu của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ban hành.

交收时双方需要签收数量与资源和环境发布单据的格式

- Khi giao nhận chất thải Bên A và Bên B có trách nhiệm giao và nhận chất thải bằng các phương tiện vận chuyển đã được đăng ký trong giấy phép hành nghề quản lý CTNH (Mã QLCTNH: 3-4-5-6.050.VX) của Bên A do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp.

交收废料时，甲方，乙方有责任按环保环境总局签发给甲方商业登记交和收废料运输方式单（编号 QLCTNH:3-4-5-6.050.VX）

2.2 Địa điểm giao nhận Tại nhà máy Công ty TNHH (Brotex Việt Nam) theo địa chỉ trên.

2.2: 交收地址：在百隆（越南）有限公司以上地址

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng.

第三条：履行合同时间

- Từ ngày 10/08/2024 đến 10/08/2025

- 2024年08月10日至2025年08月10日

Điều 4. Phương thức thanh toán

第四条：付款方式

- Bên B thanh toán cho Bên A chi phí xử lý CTNH trong vòng 07 ngày sau khi Bên A cung cấp chứng từ CTNH và hoá đơn tài chính cho Bên B.

乙方在甲方7天内提供危险废料单据与财务发票支付给甲方处理危险废物费用

- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản

付款方式为转款

Điều 5. Trách nhiệm của hai bên.

第五条：双方责任

5.1 Trách nhiệm Bên A

5.1 甲方的责任

- Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của Bên B theo đúng pháp luật hiện hành, khi bên A vận chuyển CTNH ra khỏi kho của Bên B thì mọi vấn đề về môi trường sẽ thuộc trách nhiệm của bên A.

甲方按照法律执行会给乙方收购、运输、处理危险废料。甲方运输危险废料离开乙方仓库后，关于环境的问题就归甲方责任

- Khi thu gom vận chuyển CTNH Bên A chỉ sử dụng các xe vận chuyển nằm trong danh mục giấy phép hành nghề quản lý CTNH của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp (Mã QLCTNH: 3-4-5-6.050.VX).

在运输收购危险废料时甲方只能使用由环保环境总局发布经营危险废料业务专用运输的车。编号 (QLCTNH: 3-4-5-6.050VX)。

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao nhận Bên A chịu trách nhiệm hoàn tất toàn bộ chứng từ CTNH mà Bên B đã chuyển giao.

从甲方收购废料三十天内甲方承担全部有关乙方提供所有交接单据的责任。

- Trong quá trình thu gom tại công ty Brotex nếu công nhân lao động gặp tai nạn thì Bên A tự chịu trách nhiệm.

在 Brotex 公司收集过程中如果工人事故甲方应负责。

5.2 Trách nhiệm Bên B

5.2 乙方的责任

- Bên B chịu trách nhiệm quản lý CTNH tại kho của Bên B theo đúng quy định pháp luật.

乙方负责管理废料在乙方的仓库，符合法律规定

- Bên B có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình giao nhận CTNH tại kho Bên B.

乙方有责任给予顺利条件给甲方在乙方仓库收购危险废料

- Khi giao nhận CTNH Bên B có trách nhiệm xuất chứng từ CTNH cho Bên A theo mẫu của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ban hành.

收危险废料时，乙方有责任出单据给甲方，据资源和环保环境局发布

- Bên B có trách nhiệm giao chất thải cho phương tiện vận chuyển chuyên nằm trong danh mục giấy phép hành nghề quản lý CTNH (Mã QLCTNH: 3-4-5-6.050.VX) của Bên A do Bộ tài Nguyên và Môi Trường cấp. Nếu Bên B tự ý giao CTNH cho xe vận chuyển khác không nằm trong danh mục đăng ký trong giấy phép của Bên A thì khi có sự cố xảy ra Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

乙方有责任交废料给甲方由环保环境总局发经营危险废料业务的专用运输的车。如甲方随意交危险废料给不在甲方申请经营危险废料业务的专用车，方式问题由乙方承担所有法律责任。

Điều 6. Điều khoản chung.

第六条：共同条款

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu Bên B có phát sinh các loại chất thải khác ngoài danh mục trên thì hai bên sẽ thương lượng và ký các phụ lục Hợp đồng bổ sung.

在执行合同过程当中，如乙方从产生废物未含在以上所提的名单，双方就商量与签署补充附录合同。

- Các bản phụ lục hợp đồng (nếu có) ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

各份附录合同（如有）会签，后续是合同中不能分开的部分。

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng, nếu có vấn đề gì thay đổi hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai bên

3/2/24

双方承诺严肃执行合同所商量的条款，如有问题需要更改双方需要有合作精神共同商量解决。任何条款更改都需要成立为文件有双方的会签

- Trường hợp hai bên không thống nhất được với nhau sau khi đã có thảo luận thì mọi khiếu nại sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

在双方商量未达到统一意见的情况就投诉给法庭解决。法庭的决定就是最后的决定。所有费用在纠纷解决过程中就由哪方有错误承担支付。

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

本合同一式 04 份，各方 02 份，具有相同的法律价值。

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký./.

合同有效期从当日会签

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表人



LÊ THIÊN TỬ

ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表人



TRƯƠNG KHUÊ